

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-ST
Ngày 21 tháng 05 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1, Ông Nguyễn Xuân Trường
2, Ông Lê Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Chi- Thư ký Tòa án TAND huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Ông Vũ Đình Ước- Kiểm sát viên.

Trong ngày 21/05/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm tranh chấp vụ án dân sự thụ lý số: 219/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST-DS ngày 05/4/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/QĐST-DS ngày 22/04/2024 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu H- Sinh năm 1989 (Có mặt)

Cư trú: thôn Đức Nghiêm, xã Ngọc S, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: chị Nguyễn Thị H- Sinh năm 1978 (Có mặt)

Cư trú: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Văn C- Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cư trú: thôn Chóp, xã Lương Ph, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ghi ngày 04/7/2023 (Tòa án đóng dấu tiếp nhận ngày 16/10/2023), Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai; Biên bản tiếp cận công khai, chứng cứ, hòa giải và tại phiên tòa chị Hằng trình bày:*

Chị và chị Nguyễn Thị H là chỗ quen biết, khoảng đầu tháng 5/2022 chị Hoài có đến gia đình chị đặt vấn đề vay tiền để nộp hợp đồng bảo hiểm và phát triển kinh tế, do là chỗ quen biết, nên chị có đồng ý cho chị Hoài vay tiền nhiều lần cụ thể như sau.

Lần thứ nhất: Ngày 10/5/2022 chị cho chị Nguyễn Thị H vay hai lần tiền một lần vay 150.000.000 đồng và buổi tối cùng ngày cho chị Hoài vay thêm 60.000.000 đồng, cả hai lần vay đều làm giấy vay tiền, bên vay chị Hoài là người ký nhận. Thời hạn vay là 01 tháng. Trong giấy vay tiền có chữ ký của anh Cường là chồng chị Hoài,

chị xác định khi vay anh Cường không có mặt, chữ ký Cường, Nguyễn Văn C là do chị Hoài tự ký vào.

Lần thứ hai: Ngày 20/5/2022 chị cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 150.000.000 đồng. Thời hạn vay là 01 tháng, bên vay chị Hoài là người ký nhận. Trong giấy vay tiền có chữ ký của anh Cường là chồng chị Hoài, chị xác định khi vay anh Cường không có mặt, chữ ký Cường, Nguyễn Văn C là do chị Hoài tự ký vào.

Lần thứ ba: Ngày 12/7/2022 chị cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 60.000.000 đồng. Thời hạn vay thỏa thuận đến ngày 28/7/2022 sẽ thanh toán, bên vay chị Hoài là người ký nhận.

Lần thứ tư: Ngày 12/10/2022 chị cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 20.000.000 đồng. Bên vay chị Hoài là người ký nhận.

Lần thứ năm: Ngày 12/12/2022 chị cho chị Nguyễn Thị H vay số tiền 80.000.000 đồng. Bên vay chị Hoài là người ký nhận.

Tổng số tiền chị Hoài vay là 520.000.000 đồng (Năm trăm hai mươi triệu đồng).

Chị xác định anh Cường chồng chị Hoài không liên quan đến khoản tiền vay 520.000.000 đồng, chị không yêu cầu anh Cường phải có nghĩa vụ trả.

Chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị số tiền còn nợ là 520.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Chị không yêu cầu về lãi xuất.

Về các chứng từ giao dịch chuyển khoản do chị Nguyễn Thị H cung cấp: Tại biên bản ghi lời khai, biên bản ghi lời khai đối chất chị xác định các chứng từ giao dịch chuyển khoản do chị Hoài cung cấp cho Tòa án là đúng số tài khoản của chị, nhưng chị xác định các giao dịch chuyển khoản trên là số tiền chị Hoài trả cho chị các lần vay nóng, hoặc mua các sản phẩm mỹ phẩm, chị không cung cấp được các giấy tờ chứng minh.

Về việc cắt lãi: Chị không thừa nhận có việc cắt lãi như chị Hoài trình bày;

Về việc trả tiền mặt: Chị thừa nhận bà Ngọc có trả cho chị 22.000.000 đồng như bị đơn chị Hoài trình bày là đúng, tuy nhiên số tiền này là trả cho khoản tiền chị Hoài vay nóng, chị không có giấy tờ gì chứng minh việc chị Hoài vay nóng. Chị không thừa nhận chị Hoài trả hai lần tiền mặt như bị đơn chị Hoài trình bày.

Về hợp đồng đặt cọc đất giữa chị và chị Hoài: Chị xác định thực tế không có việc chuyển nhượng, đặt cọc đất, hợp đồng đặt cọc thực tế là để đảm bảo cho khoản vay mà chị Hoài đã vay tiền, chị xác định hợp đồng đặt cọc là vô hiệu. Chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chị Hoài có thể chấp cho chị, hiện nay chị đang giữ, chị đồng ý trả cho chị Hoài, khi chị Hoài trả đủ số tiền đã vay của chị.

Tại phiên tòa chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Chị yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả cho chị số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng, chị không yêu cầu đòi lãi xuất, ngoài ra chị không có yêu cầu, đề nghị giá khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, tuy nhiên chị Hoài không đến Tòa án làm việc và

không có bản khai gửi cho Tòa án. Sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thì chị Nguyễn Thị H mới đến Tòa án làm việc.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/5/2024 chị Hoài trình bày.

Chị thừa nhận đã được nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tuy nhiên vì bận công việc nên chị chưa đến Tòa án làm việc được.

Chị và chị Hằng có việc vay mượn tiền với nhau thông qua bà Ngọc giới thiệu. chị có đến gia đình chị Lê Thị Thu H vay tiền nhiều lần cụ thể.

Ngày 10/5/2022 chị có vay của chị Hằng 60.000.000 đồng có làm giấy vay tiền, bên vay chị là người ký, còn chữ ký của chồng chị Nguyễn Văn C là do chị Hằng bắt chị viết vào. Theo giấy vay chị vay 60.000.000 đồng nhưng thực tế chị được nhận 55.000.000 đồng (chị Hằng cắt lại 5.000.000 tiền lãi). Chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc cắt lãi.

Giấy vay tiền đề ngày 10/5/2022 vay 150.000.000 đồng và ngày 20/5/2022 vay 150.000.000 đồng, chị thừa nhận chữ ký trong hai giấy vay tiền do chị Hằng cung cấp đúng là chữ ký của chị, còn chồng chị anh Cường không ký, mà do chị ký. Số tiền tiền trên thực tế chỉ là 265.000.000 đồng, còn chị Hằng cắt lãi 35.000.000 đồng, chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc cắt lãi.

Ngày 12/7/2022 chị có vay của chị Hằng 60.000.000 đồng có làm giấy vay tiền bên vay chị là người ký, Theo giấy vay tiền chị vay 60.000.000 đồng nhưng thực tế chị được nhận 55.000.000 đồng (chị Hằng cắt lại 5.000.000 tiền lãi). Chị không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh việc cắt lãi.

Giấy vay tiền ngày 12/10/2022 số tiền 20.000.000 đồng, chị thừa nhận là chữ ký của chị, tuy nhiên đây không phải là tiền vay, mà là tiền lãi chị Hằng bắt chị viết thành giấy vay tiền, thực tế chị không vay số tiền này.

Giấy vay tiền ngày 12/12/2022 số tiền 80.000.000 đồng, chị thừa nhận là chữ ký của chị, tuy nhiên đây không phải là tiền vay, mà là tiền lãi chị Hằng bắt chị viết thành giấy vay tiền, thực tế chị không vay số tiền này.

Theo như giấy vay tiền chị Hằng cung cấp thì tổng số tiền chị vay là 520.000.000 đồng, nhưng thực tế số tiền chị vay của chị Hằng mà chị được nhận 375.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị chuyển khoản trả cho chị Hằng là 237.900.000 đồng; chị có nhờ bà Trần Thị Ngọc trả hộ chị số tiền là 22.000.000 vào ngày 27/10/2023; chị trực tiếp trả tiền hai lần cho chị Hằng một lần 10.000.000 đồng; một lần 17.500.000 đồng những lần trả tiền mặt chị không có giấy tờ gì chứng minh.

Tổng số tiền chị đã trả cho chị Hằng là 287.400.000 đồng. Hiện chị còn nợ chị Hằng là 88.400.000 đồng. Số tiền trên chị đồng ý trả.

Tại phiên tòa chị Hoài xác định: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị Hằng với số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng, chị đồng ý trả, nhưng xin được trả dần.

Về hợp đồng đặt cọc: Chị xác định hợp đồng đặt cọc là vô hiệu, không có hiệu lực mà nó chỉ đảm bảo cho khoản vay, không có việc mua bán đất, nên chị Hằng xác định hợp đồng trên không có hiệu lực pháp luật thì chị đồng ý, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Chị xác định có cầm cố cho chị Hằng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên chị để làm tin, và có thỏa thuận khi nào chị trả hết tiền thì chị Hằng phải trả lại cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chị không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết, để các bên tự giải quyết với nhau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh Cường không đến Tòa án làm việc và không có bản khai gửi cho Tòa án.

Người làm chứng bà Trần Thị Ngọc tại biên bản ghi lời khai trình bày:

Bà là người giới thiệu chị Hoài đến nhà chị Hằng vay tiền, những lần chị Hoài đến vay tiền của chị Hằng thì chị Hằng gọi bà đến để chứng kiến, nhưng bà không ký trong các giấy vay tiền, các lần vay tiền ngày tháng năm bà không nhớ.

Các lần vay tiền bà chứng kiến, khi vay thì chị Hằng đều cắt lãi ngay.

Chị Hoài đến vay tiền nhà chị Hằng bao nhiêu lần thì bà không nhớ.

Có một lần vào ngày 27/10/2022 thì chị Hoài có đưa cho bà 22.000.000 đồng để trả cho chị Hằng, bà có cầm tiền trả cho chị Hằng ngay hôm đó, khi trả không làm giấy tờ gì, không có ai chứng kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu H tổng số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H do tại phiên tòa chị Hằng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trong tổng số tiền 520.000.000 đồng yêu cầu đòi ban đầu.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1]- Về quan hệ pháp luật:

Các bên có giao kết bằng văn bản (Giấy vay tiền), ghi rõ số lượng tiền vay, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463- Bộ luật dân sự). Khi có tranh chấp, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.2]- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đương sự không có ai có ý kiến gì về thời hiệu.

[4]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi số tiền gốc 260.000.000 đồng.

HĐXX nhận thấy:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thấy: Theo các giấy vay tiền mà nguyên đơn chị Hằng cung cấp, thì chị Nguyễn Thị H có vay tiền của chị Hằng nhiều lần là có thật. Tổng số tiền chị Hoài vay là 520.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ tại Biên bản ghi lời khai, Biên bản ghi lời khai đối chất chị Hoài đều xác nhận chữ ký trong các giấy vay tiền mà chị Hằng cung cấp chính là chữ ký của chị Hoài. Tuy nhiên chị Hoài chỉ thừa nhận số tiền thực tế chị được nhận là 375.000.000 đồng. Số tiền còn lại là khoản tiền lãi, hoặc khi vay chị Hằng cắt lại tiền lãi, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã có quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, đã lấy lời khai của chị Hoài, chị Hoài xác định không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho ý kiến của mình là đúng, do vậy ý kiến trình bày của chị Hoài là không có căn cứ. Vì vậy có đủ cơ sở để xác định số tiền 520.000.000 đồng chị Hoài vay của chị Hằng là có thật.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn chị Hoài xác định đã trả cho chị Hằng số tiền là 287.400.000 đồng thông qua chuyển khoản và trả trực tiếp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai đối với các đương sự; Đã tiến hành đối chất giữa các đương sự, kết quả nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn chị Hoài phải trả số tiền gốc còn nợ là 260.000.000 đồng và không yêu cầu đòi lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H tại phiên tòa đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn chị Hằng và đồng ý trả số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng, nhưng xin được trả dần.

Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hằng: Buộc chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Đối với yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa, là hoàn toàn tự nguyện, được Hội đồng xét xử chấp nhận, do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin

rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C là chồng của chị Nguyễn Thị H, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã liên hệ điện thoại cho anh Cường đến Tòa án làm việc, nhưng anh Cường không đến Tòa án làm việc, không có bản khai gửi cho Tòa án.

Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định anh Cường không liên quan đến khoản tiền chị Hoài vay và nguyên đơn chỉ yêu cầu một mình chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền nợ, do vậy cần xác định đây là khoản nợ riêng của chị Nguyễn Thị H.

[5]- Đối với hợp đồng đặt cọc ngày 07/6/2022 liên quan đến việc chuyển nhượng thửa đất số 0, tờ bản đồ số 0; địa chỉ thửa đất tại thôn Chóp, xã Lương Ph, cả nguyên đơn, bị đơn đều xác định không có việc chuyển nhượng đất, hợp đồng đặt cọc chỉ để làm tin cho khoản vay, các đương sự đều xác định hợp đồng trên là vô hiệu. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự không có đơn yêu cầu và không đề nghị Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6]- Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự đều xác nhận chị Hoài có giao cho chị Hằng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin cho khoản vay và có thỏa thuận khi nào trả hết khoản nợ thì nguyên đơn chị Hằng phải có nghĩa vụ trả lại cho chị Hoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa các đương sự đều đề nghị để tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án xem xét.

[7]- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó nguyên đơn chị Hằng không phải chịu tiền án phí, hoàn trả chị Hằng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8]- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thu H.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho chị Lê Thị Thu H số tiền còn nợ là 260.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thu H do tại phiên tòa chị Hằng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện trong tổng số tiền 520.000.000 đồng chị Hằng yêu cầu ban đầu.

2. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 13.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả chị Lê Thị Thu H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.400.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000290 ngày 16/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ, hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, người có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDT. Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thanh Thuận

